

Số: 744/2018/QĐST - DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 31/5/2018 và biên bản hòa giải thành ngày 31/5/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 185/2015/TLST - DS ngày 26 tháng 06 năm 2015 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản”

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nhan Bội Ng**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: số N đường NC, Phường H, Quận B, TP H.

Có đại diện theo ủy quyền ông **Trần Ngọc Quang A**, sinh năm 1981, địa chỉ: Số K Đường số S, phường B, quận BT, Thành phố H.

Bị đơn: Ông **Hà C**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Chí có ông **Đặng Quang H**, sinh năm 1992, địa chỉ: Số L đường TĐ, phường PL, Quận M, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1)**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số R M Street, Gre, NSW 2190, Úc.

Có đại diện theo ủy quyền ông **Trần Ngọc Quang A**, sinh năm 1981, địa chỉ: Số K Đường số S, phường B, quận BT, Thành phố H..

2. Ông **Nhan Gia N**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số K đường ND, Phường T, Quận N, TP H.

Có đại diện theo ủy quyền ông **Trần Ngọc Quang A**, sinh năm 1981, địa chỉ: Số K Đường số S, phường B, quận BT, Thành phố H..

3. Ông **Vuong Leon Duc L**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số R M Street, Gre, NSW 2190, Úc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Luong có ông **Vương Quang T**, sinh năm 1971, địa chỉ: Số C đường TP, Phường B, Quận N, Thành phố H.

4. Bà **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H.

5. Trẻ **Nguyễn Quang B**, sinh năm 2006

Địa chỉ: Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H..

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Quang B có bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1971.

6. Ông **Huỳnh Duy B**, sinh năm 1972

7. Ông **Huỳnh Phúc Đ**, sinh năm 1991

8. Ông **Huỳnh Duy V**, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nhà đất tại địa chỉ Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H. là di sản thừa kế của ông Nhan Thanh T1 và bà Hà Mỹ Tr. Các đồng thừa kế di sản nêu trên gồm: Bà Nhan Bội N, ông Nhan Gia Ng, bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1), ông Hà Ch. Các đồng thừa kế đều thống nhất giá trị nhà đất nêu trên là 1.337.000.000 (một tỉ ba trăm ba mươi bảy triệu) đồng.

Khoản nợ của bà Hà Mỹ Trân với ông Vuong Leon Duc L là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng theo hợp đồng vay vàng ngày 17/02/2011 tại phòng Công chứng số 02, Thành phố H. Các đồng thừa kế gồm: Bà Nhan Bội N, ông Nhan Gia Ng, bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1), ông Hà Ch đồng ý mỗi người phải trả cho ông Vuong Leon Duc L số tiền là $700.000.000:4 = 175.000.000$ (một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Các đương sự yêu cầu được chia tài sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H. Mỗi đồng thừa kế sẽ được nhận giá trị thừa kế sau khi trừ đi khoản nợ phải trả cho ông Vuong Leon Duc L là 159.250.000 (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Nhà đất tại địa chỉ Số K đường ND, Phường T, Quận N, Thành phố H giao cho ông Nhan Gia Ng. Ông Nhan Gia Ng phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nhan Bội N, ông Hà Ch, bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1) mỗi người số tiền 159.250.000 (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Sau khi trả tiền xong, ông Nhan Gia Ng có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự gồm bà Nhan Bội N và bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1) đồng ý cho giá trị phần thừa kế của mỗi người là 159.250.000 (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng cho ông Nhan Gia Ng.

Bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1) đồng ý hỗ trợ riêng cho ông Hà Ch số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự ông Hà Chí, ông Nhan Gia Ng, bà Nhan Bội A1 (Vuong Annie Boi A1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.981.250 đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Nhan Bội N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.981.250 đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Bà Nhan Bội N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số AG/2010/08703 ngày 08/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H. Do đó, bà Nhan Bội N phải nộp thêm số tiền là 5.481.250 (Năm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông V Leon Duc L đã nộp là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số AG/2010/09298 ngày 30/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố H.

Các chi phí tố tụng nguyên đơn bà Nhan Bội N tự nguyện chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TANDTC;
- VKSND TP.HCM;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Cục THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ (20).

Phan Thị Tú Oanh